

Số: 4572/GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 14 tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 812/QĐ-UBND ngày 16/03/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Dự án sản xuất Global (điều chỉnh)" tại thửa đất C07 thuộc Lô đất CN11, Khu công nghiệp An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng do Công ty TNHH Công nghệ Global Wrapper (Việt Nam) làm chủ đầu tư;

Xét Văn bản số 809/CV-GLOBAL ngày 08/9/2022 của Công ty TNHH Công nghệ Global Wrapper (Việt Nam) về đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo Văn bản số 2511/CV-GLOBAL ngày 25/11/2022 của Công ty TNHH Công nghệ Global Wrapper (Việt Nam) về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án "Dự án sản xuất Global";

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghệ Global Wrapper (Việt Nam), địa chỉ tại Thửa đất số C07 lô đất CN11, Khu công nghiệp An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Dự án sản xuất Global” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án sản xuất Global.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thửa đất C07 lô đất CN11, Khu công nghiệp An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9923636345 do Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 31/01/2020, chứng nhận thay đổi lần thứ 05 ngày 04/01/2022. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0202012985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 06/02/2020, thay đổi lần thứ 3 ngày 26/05/2022.

1.4. Mã số thuế: 0202012985.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất túi PE, túi PO, khay nhựa, gia công xốp EPE và gia công sản xuất thùng carton.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 15.388,44 m².

- Quy mô, công suất:

+ Thùng carton: Số lượng 12 triệu chiếc/năm tương đương 6.000 tấn/năm.

+ Khay nhựa: Số lượng 2,42 triệu chiếc/năm tương đương 1.209,6 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghệ Global Wrapper (Việt Nam):

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Công nghệ Global Wrapper (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 14 tháng 12 năm 2022 đến ngày 14 tháng 12 năm 2032).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *MV*

Nơi nhận:

- UBND TP (để báo cáo);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND: xã Hồng Phong, huyện An Dương;
- Công ty TNHH Công nghệ Global Wrapper (Việt Nam);
- Công ty TNHH Liên hợp đầu tư Thâm Việt;
- Các Phòng: QLTNMT, QHXD, QLĐT, HTGS, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT. *W*

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4572/GPMT-BQL ngày 14. tháng 12. năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 (nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung được thu gom về hệ thống dẫn nước thải Khu công nghiệp An Dương, chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Dương, không xả trực tiếp ra môi trường).

Công ty TNHH Liên hợp đầu tư Thâm Việt (Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp An Dương) đã có công văn số 417/CV-TV ký ngày 20/9/2022 về việc xác nhận vị trí điểm đầu nối hạ tầng.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ các khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại 3 ngăn (số lượng: 03 bể, tổng dung tích 45 m³); Nước thải khu vực bếp ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ 3 ngăn (dung tích 2 m³), toàn bộ nước thải sau đó được thu gom bằng đường cống D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án, công suất 20m³/ngày.

- Nước thải sản xuất được bơm từ hố gom khu vực rửa khay mực về bể điều hòa của cụm xử lý nước thải sản xuất. Nước thải sản xuất sau khi được xử lý hóa lý sẽ được xử lý cùng với nước thải sinh hoạt tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày.

- Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án, công suất 20m³/ngày sẽ thoát vào hệ thống dẫn nước thải của Khu công nghiệp An Dương. Nước thải được tiếp tục xử lý triệt để tại trạm xử lý nước thải tập trung của KCN An Dương.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải khu nhà vệ sinh → bể tự hoại → hệ thống xử lý nước thải sinh

hoạt tập trung công suất 20 m³/ngày → hệ thống dẫn nước thải của KCN → Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN An Dương.

+ Nước thải khu vực bếp ăn → bể tách mỡ → hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 20 m³/ngày → hệ thống dẫn nước thải của KCN → Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN An Dương.

+ Nước thải sản xuất → bể điều hòa 1 → bể phản ứng keo tụ (chia thành 3 ngăn bằng nhau: ngăn điều chỉnh pH, ngăn phản ứng với PAC, ngăn phản ứng với PAM) → bể lắng 1 → hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 20 m³/ngày → hệ thống dẫn nước thải của KCN → Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN An Dương.

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày: Nước thải → bể điều hòa 2 → bể thiếu khí (anoxic) → bể hiếu khí (oxic) → bể lắng 2 → bể khử trùng → hệ thống dẫn nước thải của KCN → Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN An Dương.

- Công suất thiết kế:

+ 03 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 45 m³ tại các khu vực nhà xưởng sản xuất số 1 (01 bể 20 m³), nhà văn phòng (01 bể 20 m³), nhà bảo vệ (01 bể 5 m³).

+ 01 bể tách mỡ tại khu vực nhà ăn, dung tích 2 m³.

+ 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 20 m³/ngày.

- Hóa chất sử dụng: PAC, PAM, dung dịch điều chỉnh pH (NaOH), đường công nghiệp, viên clo TCCA 90%.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm : 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm :



2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Vị trí hố ga cuối cùng trước khi thoát vào hệ thống thu gom nước thải của KCN An Dương, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Tọa độ xả nước thải: $X(m) = 2311164.308$, $Y(m) = 584212.664$ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: tuân thủ theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp An Dương.

2.3. Tần suất lấy mẫu: đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp An Dương, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN An Dương để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.4. Quan trắc nước thải định kỳ nhằm giám sát, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra trước khi đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của An Dương.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 4572/GPMT-BQL ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 do không có công trình thu gom, xử lý khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị, đảm bảo hệ thống thông gió hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định hiện hành.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thường xuyên kiểm tra hệ thống thông gió nhà xưởng, đảm bảo hệ thống luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống thông gió nhà xưởng.

3.3. Công ty cam kết chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày... tháng... năm 2022
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực phòng máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: X=2311687; Y=662261

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên cân chỉnh và bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám) các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.

- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với các máy móc, thiết bị sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng hiệu chuẩn đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số.457.2/GPMT-BQL ngày 14. tháng 12. năm 2022
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải (văn phòng)	22,5	Rắn	08 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	15	Rắn	16 01 06
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	132	Rắn	18 01 03
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	450	Rắn	18 02 01
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	50	Lỏng	17 02 03
6	Pin, ắc quy thải	15	Rắn	16 01 12
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp.	135	Rắn	12 06 05
Tổng		819,5 (kg/năm)		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 6.968 kg/tháng.

Thành phần của chất thải rắn sản xuất phát sinh goomg bavia, màng nhựa PET, PP, hàng lỗi trong quá trình kiểm tra..., giấy carton thải bỏ trong quá trình sản xuất.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 1.040 kg/tháng.

NGHĨA HẢI

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 18,9 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được thiết kế theo đúng quy định và đảm bảo các tiêu chuẩn như: Có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng để đề phòng cho sự cố khi thùng chứa/bao bì chứa bị rò rỉ, thùng, nứt vỡ. Có các thiết bị PCCC như bình xịt chữa cháy xách tay, cát, xẻng chữa cháy, ... Bên ngoài kho có dán biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

Các loại chất thải nguy hại được thu gom, phân loại vào các thùng chứa, bao bì chứa kín và có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã chất thải nguy hại và tên từng loại CTNH sau đó chuyển về lưu giữ tại kho CTNH.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2.2. Kho lưu chứa chất thải công nghiệp:

- Diện tích: 18,9 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khung thép, mái lợp tôn, tường bao che bên ngoài xây gạch kết hợp tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa 240 lít có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: đã bố trí thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực xưởng sản xuất, khu vực văn phòng, khu vực nhà ăn.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 4572/GPMT-BQL ngày 14 tháng 12 năm 2022
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm về chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu để xảy ra sự cố môi trường.

